

Số: 13/2024/QĐST-HNGĐ

NH, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị TTT, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Nà Đưa, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh LVT, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn NN, xã CL, huyện NH, tỉnh TQ.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị TTT và anh LVT.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu LTB, sinh ngày 24/02/2015 và cháu LTK sinh ngày 20/10/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị T có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu LTB và cháu LTK số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng/02 cháu, phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 25 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2024 đến khi cháu B, cháu K đủ 18 tuổi. Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị TTT phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000827, ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh LVT không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh TQ ;
- VKSND huyện NH;
- THADS huyện NH;
- UBND xã CL;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Côn Lô;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Quỳnh